

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 10 - TÂY NINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 08-4-2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Thị Nguyễn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Văn Hoàng**;

2. Bà **Đào Thị Duyên**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Hoài Thanh** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Lâm Thuý Vi** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 879/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025; về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thành Đ**, sinh năm 1999; Căn cước số 072099004602 cấp ngày 06/11/2024; địa chỉ: Số nhà F, đường G, khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Chị **Lê Minh C**, sinh năm 2006, CCCD số 072306 001342 cấp ngày 30/03/2021; địa chỉ: khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thành Đ trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị C chung sống vợ chồng từ năm 2023 có đăng ký kết hôn ngày 09/7/2024 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là phường T, tỉnh Tây Ninh). Vợ chồng chung sống thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Chị C hiện nay đã bỏ nhà đi đâu không rõ. Nay tình cảm không còn, anh Đ yêu cầu ly hôn với chị C.

+ Về con chung: Anh Đ và chị C chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Lê Kỳ D; sinh ngày 27/01/2024. Hiện con chung đang sống chung nhà với anh

Đ. Anh Đ yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị C cấp dưỡng.
+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
+ Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn, chị Lê Minh C*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho chị C, nhưng chị C không đến Tòa án nên không có lời khai của chị C; chị C không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ đối với chị C.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê Kỳ D cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận anh Đ không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Nguyễn Thành Đ có đơn yêu cầu vắng mặt; bị đơn chị Lê Minh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ, chị C.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn chị Lê Minh C có nơi cư trú tại khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

[3] Xét yêu cầu của anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị C, thấy rằng:

[3.1] Anh Nguyễn Thành Đ và chị Lê Minh C là vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 09/7/2024 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (nay là phường T, tỉnh Tây Ninh), nên quan hệ hôn nhân của anh chị hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn: Anh Đ khai vợ chồng chung sống thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Chị C hiện nay đã bỏ nhà đi đâu không rõ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh Đ là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu nuôi con chung của anh Đ, thấy rằng: Anh Đ và chị C chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Lê Kỳ D; sinh ngày 27/01/2024. Anh Đ yêu cầu nuôi dưỡng con, không yêu cầu chị C cấp dưỡng.

Xét thấy, anh Đ có nghề nghiệp (làm tại Công ty TNHH X) thu nhập ổn định, có điều kiện nuôi con, hiện tại cháu D đang sống chung nhà với anh Đ, nên anh Đ yêu cầu được nuôi con là có căn cứ chấp nhận. Ghi nhận anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh Đ khai không có.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Anh Nguyễn Thành Đ phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 228, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của anh Nguyễn Thành Đ đối với chị Lê Minh C.

2. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thành Đ được ly hôn với chị Lê Minh C.

3. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê Kỳ D, sinh ngày 27/01/2024 cho anh Nguyễn Thành Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Minh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Anh Nguyễn Thành Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0012949 ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Anh Đ đã nộp xong tiền án phí.

7. Đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV10 – Tây Ninh;
- CCTHADS KV10 – Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lâm Thị Nguyễn